

Phỏng Vấn

nhà nghiên cứu-phê bình văn học Bùi Vĩnh Phúc

(về chuyện **Đ**ọc và **V**iết & về **V**ăn **H**ọc **H**ải **N**goại)



Hình của Vũ Hoàng Kiều

*[**Đ**ể kỷ niệm cột mốc 50 năm (1975 – 2025) của văn học hải ngoại trong dòng sống những người Việt xa xứ, **tạp chí/diễn đàn văn chương mạng Đa Màu** đã thực hiện cuộc phỏng vấn mang tính cách định tính và nhìn lại này.*

Cuộc phỏng vấn được thực hiện qua điện thư từ ngày 27 tháng Bảy đến 22 tháng Tám, 2025, do chủ biên Đặng Thơ Thơ thực hiện.]

Đa Màu: *Thưa anh Bùi Vĩnh Phúc, anh vừa là nhà phê bình văn học, nhà thơ, và nhà giáo (GS. về Ngôn Ngữ), vậy các "nhà" này đã cộng tác với nhau ra sao trong tiến trình viết của anh? Các tác phẩm của anh thường tập trung vào những đề tài gì?*

Bùi Vĩnh Phúc: Đúng là tôi đã sống trong đời sống trong cả ba tâm thế này, và, không những thế, đã sống thiết thân, hành xử trong cuộc sống mình, trong cả ba vai trò như thế. Chúng không phải chỉ là một thứ “mặt nạ” mà con người phải đeo vào mỗi ngày để sống ở đời. Chúng là một làn da “hít thở” trên con người mình. Như một người Việt sống ngoài đất nước, trong ba cái “mặt nạ” này, chỉ có “mặt nạ” dạy học là đem lại cho tôi một bảo đảm mang tính vật chất: một đồng lương vừa phải (nhưng cũng đủ để sống tương đối thoải mái trong hoàn cảnh riêng của mình), và một cái neo để “trụ” vào và để sống ở đời. Còn hai cái “mặt nạ” kia thì, thật sự, không mang lại được một bảo đảm gì. Ngược lại, chúng lại làm mình mất khá nhiều thì giờ suy nghĩ, mơ mộng, thay vì dùng thì giờ để làm những chuyện “cụ thể và hữu ích” hơn. Như để kiếm tiền chẳng hạn.

Dù sao, cả ba “hướng hành xử” ấy đều giúp tôi giữ lại cho mình cái hơi thở để sống. Bởi vì cả ba đều là mình, tạo nên mình. Rất nhiều khi, trong khi giảng bài hay thuyết trình, tôi chợt thấy con người phê bình của mình sống trong những điều tôi trình bày. Trước sinh viên hay trước thính chúng văn học. Nhưng, cũng có khi, cái hơi thở của một người làm thơ trong tôi lại chen vào những lúc ấy. Theo kinh nghiệm và qua những phản ánh mà tôi nhận được, những sự sống “lẫn lộn” và “dồn dập” ấy thường giúp tôi thực hiện được tốt hơn việc làm của mình.

Thật sự, cả ba “phương vị” ấy đều quán quện trong tôi, cho dù tôi thường sống trong đời, qua từng “khoảng sống” một, với một cái sống nổi bật nào đó. Chẳng hạn, có những lúc, hay có những đoạn văn, tôi viết phê bình văn học với ý thức sáng suốt của một “nhà” ngôn ngữ. Với cái học, cái hiểu và cái nhạy cảm của mình trong phương diện này. Nhưng, cũng có khi, cái hơi thở thơ, cái sức sống thơ, lại chen vào trong bài viết, trong cuộc viết. Sự quán quện ấy làm nên chữ viết của tôi, cho thấy hơi thở và diện mạo của chữ, của người viết.

Cái sống thơ trong tôi cũng vậy. Thơ có những lúc hoà quện với lý tính, với cái hạnh phúc được “sống chữ” và được “thơ chữ”. Cái sống ấy luôn đối mặt với sự phê bình, trước hết, của chính mình. Cái sống ấy được nhìn ngắm, trước hết, từ kẻ sống nó. Có thể để giữ cho kẻ sống ấy tiếp tục la đà trên mặt đất—nơi vừa có những nụ cười, vừa có những giọt nước mắt, vừa có những niềm đau, những nỗi thống khổ xót xa, vừa có những phút giây hoan lạc và chan chứa hạnh phúc—để cho hắn đừng bay lên, đừng trôi tuột vào mộng tưởng, mà quên mất con người. Quên mất cái thân phận làm người của chính mình.

Với tôi, sống hay viết thì cũng vậy. Viết là một dạng sống. Và sống, nhìn một cách nào đó, cũng là một dạng viết. Tôi viết nên tôi trong sự sống mình. Và tôi đã sống, và viết, quán quện, hoà lưu, với chính mình như thế. Ba thể sống, ba tâm thế ấy giúp tôi sống đầy đủ và chân thật với chính con người mình.

Tôi là người “làm” nghiên cứu và phê bình văn học nên hầu hết những cái viết của tôi là ở trong những lĩnh vực này. Dù sao, có những lúc cần giữ cho hơi thở được quân bình, tôi cũng viết tản văn, tuỳ bút, hay làm thơ. Trong 50 năm cầm bút vừa qua, tôi đã viết được một số điều. Cũng có những cái viết làm tôi thích. Nhưng, hy vọng, cái làm tôi tâm đắc vẫn còn ở phía trước.

Da Màu: Các bài phê bình, nghiên cứu và chuyên luận của anh rất sâu sắc, đẹp và mang một “phong khí” thật đặc biệt. Có một quá trình chuẩn bị nào không trong việc anh đi vào lĩnh vực phê bình văn học?

Bùi Vĩnh Phúc: Trong cuộc sống, có những chuyện, nhìn một cách nào đó có vẻ xảy ra ngẫu nhiên. Nhưng nếu được nhìn dưới một góc độ khác, hình như chẳng có chuyện gì xảy ra ngẫu nhiên cả.

Nếu nghĩ rằng, ngay từ lúc khởi sự cầm viết, tôi đã vạch cho mình một con đường để đi vào lĩnh vực phê bình văn học, thì không có chuyện ấy. Tôi thích đọc sách từ bé, đủ mọi loại và đủ mọi đề tài. Dĩ nhiên, chuyện đắm đầu vào sách vở như thế cũng phải có sự yêu thích, đam mê, vì tìm được các loại sách để đọc cũng chẳng dễ trong hoàn cảnh gia đình, xã hội và thời đại lúc tôi lớn lên. Cái thời cuối thập niên '50 đến đầu thập niên '70 ấy. Tôi “bị” bố mẹ bắt học thêm tiếng Pháp, rồi tiếng Anh (nghĩ lại thì là “được” cho đi học, nhưng lúc ấy sự bị “đẩy” đi học trước bao nhiêu thú vui đang chờ đợi mình trong cuộc sống—dù chỉ là các thú vui với bạn bè trong xóm, cùng tuổi thiếu niên, rồi là với các bạn học trong tuổi thanh niên—thì thật là một hoàn cảnh rất đáng nản). Tôi bị... mất thì giờ, phần nào, vào việc học. Dù sao, từ nhỏ, tôi vẫn cố để dành chút tiền và la cà ở các quán sách. Mua và đọc đủ thứ. Mua được tờ báo, tập sách (16 hay 32 trang), và, thỉnh thoảng, quyển sách nào, là “rọc giấy” ra xem ngay một ít tại chỗ. Rồi, trên đường từ sạp báo/sách về nhà, vừa đi vừa đọc.

Thuở ấy, làng xóm, đường phố, còn tương đối ít người, ít xe cộ, không như sau này. Tôi cứ vừa đi vừa cầm đầu đọc, khoảng 30 phút, cho tận đến khi về nhà. Trên đường đi, có những đoạn có nhiều cây cối, mùi thơm của cây lá thoảng nhẹ, đôi khi may mắn lại có cả tiếng chim hót trong màu xanh lục êm đềm của lá. Một cuộc đọc “mộng du” như thế thật là “huyền ảo”. Có lẽ cũng giống như một ít người mê mải với “smart phone” bây giờ chẳng? Điều đó rất không nên, vì có thể gây ra hoặc gặp tai nạn. Nhưng tôi đã làm như thế. Với sách. Thời còn nhỏ tuổi. Đã lắm lần, trong hành trình “đi và đọc” ấy, tôi đụng vào người trên đường, nhưng hầu hết đều được họ “tha bổng” cả. Sự đụng chạm như thế cũng chẳng làm chết ai! Vì, dù sao, lúc ấy, tôi cũng chỉ là một cậu bé. Một cậu nhỏ có thể đang mơ thành một “chàng lãng tử ôm đàn đến giữa đời” (!) sau này, qua những “bùa chú” của sách vở. Một chú bé con vừa đi bộ vừa mê man đọc sách và có cảm tưởng là mình như đang “đi trên mây”!

Những “bước đi trên mây” ấy, đôi khi, vẫn còn lưu dấu trên đôi giày tôi mang trong những bước đường giữa đời của tôi bây giờ. Dù là điều này được nói theo một thể điệu ẩn dụ nào đó.

Lúc bé, tôi còn đòi sách, báo với bạn bè trong xóm. Thậm chí còn đánh bài để “ăn” sách. Tôi có một cái cặp lớn, thường giữ kè kè bên mình, đựng nhiều cuốn sách đủ loại, để chơi trò này. (Thật là “tệ”! Lớn lên, tôi hiểu là mình không bao giờ nên đòi xử với sách vở theo kiểu ấy!) Khi lớn hơn thêm chút nữa, tôi chia sẻ sách của mình và mượn sách từ các bạn học.

Bố tôi đọc và nói chuyện được bằng tiếng Pháp. Ông cũng biết chữ Hán. Ông mua nhiều báo để đọc hằng ngày. Lại có nhiều tập san và tuần báo, thuộc nhiều thể loại khác nhau. Có những bài hay tài liệu cần, bố tôi cất giữ vào một chỗ riêng. Tôi thích đọc các truyện ngắn, và đặc biệt các truyện dài—thường là tiểu thuyết lịch sử, xã hội, hay các truyện trinh thám, “võ hiệp kỳ tình”, đăng dài hạn trên các báo hằng ngày này (gọi là các truyện “feuilleton”). Báo ngày nào có thơ, truyện mình thích, tôi ghi nhớ, và có tình để băng đi khoảng chục ngày, rồi sau mới lục trong “kho” báo chí của bố, lấy trộm ra, cất giữ làm “của riêng”. Có những truyện lịch sử phiêu lưu, tôi còn “hăng hái” cắt bẻng liên tục các kỳ đăng hằng ngày, rồi dính hoặc dán các “mảnh rời” này lại để làm thành một quyển truyện riêng cho mình. Bố tôi có những lúc “phát hiện” ra việc này, mắng cho vài mắng, bắt trả lại vào kho sách báo của bố đã

số những tờ báo đã bị tôi lấy làm của riêng. Thế nhưng, đối với những “chỗ lõm” của các truyện dài lịch sử trên các trang báo, vì tôi đã “lỡ tay” cắt phăng đi và cắt làm “của riêng” như thế, bố tôi cũng chỉ mắng qua, và không bắt nộp lại, vì thấy tôi học hành vẫn được. Và, có lẽ, vì bố tôi nghĩ các câu truyện lịch sử ấy cũng chẳng gây tác hại gì cho trí óc của tôi, nếu không nói là ngược lại. Ấy là tôi nghĩ thế!

Khi lên khoảng lớp Đệ Ngũ (lớp 8 bây giờ), tôi đã có thể có chút tiền bố mẹ cho và la cà ở nhiều chỗ bán sách cũ, hay những tiệm sách bán giá rẻ (gọi là bán *solde*, dù là có những quyển rất hay và còn mới). Tôi bắt đầu thực hiện việc xây dựng cho mình một thư viện ra hồn hơn. Càng lớn lên, tôi càng có thêm một số điều kiện để thu thập sách. Và có thêm sách mới, sách hay, với các thể loại khác nhau. Kể từ năm Đệ Nhị (lớp 11 sau này), tôi nghiêng cái đọc mình sang sách phi-hư cấu đủ mọi thể loại. Và thấy mình càng ngày càng nghiêng về khuynh hướng đọc này. Cả một thời nhỏ và lúc lớn lên, tôi đã có cơ hội khám phá thế giới tưởng tượng của con người với đủ mọi tình tiết đáng yêu, đáng sợ và đáng nhớ, với bao nhiêu hân hoan, hạnh phúc và buồn đau. Thời thanh niên, tuy vẫn còn yêu thích thơ, những truyện ngắn và tiểu thuyết hay, tôi đã nhìn thấy một chân trời khác.

Tôi bắt đầu tìm đọc nhiều sách nghiên cứu và phê bình sau đó. Và các loại sách triết, sử, ngôn ngữ, tâm lý, xã hội, nhân chủng, dân tộc học, văn hoá, và kiến thức tổng quát. Với tôi, đọc như thế giản dị chỉ là để tìm hiểu về cuộc sống thôi. Tôi đọc miên man và liên tục. Cũng bắt đầu thử viết và làm thơ. Đến tháng Tư, 1975 thì tôi đã có một thư viện riêng, khá “bề thế”, bao gồm cả sách tiếng Pháp và tiếng Anh. Trong giai đoạn năm, bảy năm trước khi đến thời điểm đó, tiền đáng lẽ để đi chơi và làm những việc bình thường của thời tuổi trẻ thì tôi đổ dồn vào tủ sách. Một số *kiosques* bán sách báo ở Sài Gòn (chẳng hạn như *kiosque* ở góc Lê Lợi và Công Lý, và các sạp bán sách trên hai con đường sách ấy) cũng quen mặt tôi, vì mỗi tuần cứ một vài ngày tôi lại ra la cà ở đấy để tìm sách mới. Quả là một thời “huơng hoa” hạnh phúc với những chân trời mở rộng trước mắt. Cái hạnh phúc của sự đọc, và của sự tìm biết về cuộc đời.

Da Màu: *Thế khi sang Mỹ anh có dịp học hỏi, nghiên cứu gì thêm về vấn đề viết, đọc, hay nghiên cứu, phê bình không?*

Bùi Vĩnh Phúc: Tôi sang Mỹ vào giữa năm 1978. Ở Mỹ, tôi theo đuổi ngành Ngôn Ngữ. Dù sao, ở những năm *undergraduate*, vì yêu thích, tôi học để lấy thêm bằng Cử nhân về văn chương Pháp. Được học nhiều về những điều mình thích về văn chương, văn học Pháp. Từ đó, lần mò sang các lớp về phê bình và lý thuyết văn chương đương đại. Cả của Pháp và Mỹ. Đây là những năm học hành thích thú vì mình được tự do và còn nhiều thì giờ. Ngoài những lớp cần thiết cho ngành Ngôn Ngữ, và những lớp đòi hỏi của ngành văn chương Pháp, tôi có thể lấy thêm những môn học nào mình thích. Miễn là đủ sức học và thời khoá biểu không bị tràn, lại có thể xoay sở để làm việc thêm tại trường. Học như thế, có thể chẳng được lợi lộc cụ thể gì, nhưng tôi được tìm vào những gì mình thích. Chính trong giai đoạn này, dù không chủ ý, tôi đã phần nào chuẩn bị cho mình con đường đi vào nghiên cứu và phê bình, lý luận văn học.

Khi học *graduate*, người ta không còn nhiều thời giờ và hoàn cảnh, như giai đoạn *undergraduate*, để học thêm nhiều các thứ khác như thế. Nói như vậy không có nghĩa là lúc

ấy mình không được học gì thêm. Vẫn có thể, nhưng ta phải tập trung nhiều vào các lớp chuyên môn. Và tâm thế học, không khí học cùng môi trường học thuật, sự trao đổi với các vị giáo sư trong bậc học này khiến ta không còn dễ “bay nhảy” như ở giai đoạn trước. Với tôi, giai đoạn này, tôi vẫn lấy thêm một vài lớp về phê bình và lý thuyết văn học mà tôi nghĩ mình nên tìm hiểu thêm. Ngoài vấn đề chuyên môn của ngành học chính, là Ngôn Ngữ, tất cả những cái học trước đó về văn chương, văn học và về đời sống, nhịp sống của con người, của chữ nghĩa văn chương thế giới, không mất đi đâu. Chúng giúp ta nghe rõ hơn tiếng đập của trái tim con người, trái tim thế giới, và nhận diện rõ hơn cái dáng nét của khuôn mặt nhân loại. Chúng giúp ích rất nhiều cho sự trưởng thành và tự tin của ta. Chúng giúp tạo một nền móng để ta bước vào cái học chuyên sâu và sẵn sàng đào xới, lật đi lật lại vấn đề trong sự học. Tất cả những cái đó cần thiết và giúp ích cho ta nhiều trong việc tiếp cận với cái rộng, cái mở và cái mới của sự nghiên cứu và học tập. Ngoài ra, ngay cả những cái học và đọc trước đó ở Việt Nam, thời tôi học trung học và đại học ở nhà, cũng giúp ích cho những cái học sau này của mình. Cái học của chúng ta như những lớp phù sa bồi đắp vào bãi đất của mỗi người.



Từ trái: Họa sĩ Trịnh Cung, Nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc, Nhà văn Đặng Thơ Thơ, Nhà thơ Phương Lan, Họa sĩ Paulina Đàm Thuý Ngọc, và Nhà văn Hồ Như.

Da Màu: Anh bắt đầu chính thức đi vào lĩnh vực phê bình, nghiên cứu từ khi nào?

Bùi Vĩnh Phúc: Khi cùng bắt tay làm việc chung để khởi động tạp chí Văn Học (hậu thân của tờ Văn Học Nghệ Thuật trước đó), vào năm 1985, cùng với các anh Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Bá Trạc, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Trịnh Y Thư, và một ít các nhà văn khác nữa, tôi được các bạn tín cẩn và yêu cầu viết các bài phê bình văn học cho tờ báo. Thật ra, trong giai đoạn đầu, ngoài phê bình văn học, tôi còn viết cả những bài biên khảo, nghiên cứu nhỏ về âm nhạc, hội họa, v.v., cho những số chủ đề. Về sau, khi đã tương đối định hình được phong cách rồi, tôi mới đi sâu thêm vào lĩnh vực phê bình văn học.

[Xin mở một cái ngoặc vuông ở đây. Tạp chí Văn Học, như tôi đã có dịp viết trong một hồi ức văn học của mình, ra đời vào năm 1985, cũng có thể xem là khá sớm trong đời sống và dòng chảy của người Việt ngoài nước, và của văn học hải ngoại. Xin ghi lại một vài suy nghĩ bổ sung này ở đây: “[K]hi Văn Học ra đời, khoảng mười năm đã qua đi kể từ tháng Tư 1975. Trước đó, không phải là đã không có những nỗ lực văn học và văn chương của người Việt ngoài nước, muốn vực dậy một giọng nói, một tiếng nói, như một hơi thở cần thiết để con người tiếp tục sống còn; nhưng, vì những yếu tố khác nhau của hoàn cảnh, những nỗ lực này, qua những tạp chí văn học hay những tờ báo mang tính văn chương, đã không có cơ may được tồn tại lâu dài, và ghi những dấu ấn sắc nét hơn trong lòng người đọc. Nhưng tất cả những nỗ lực đó đều là những nỗ lực đẹp đẽ và đáng trân trọng, không những đáng được, mà còn cần được, ghi nhận. Cái duyên và cái may cho Văn Học, có lẽ, là do cái thời đã tạo nên nó. Mười năm (1975-1985) có lẽ đã khá đủ cho một sự chiêm nghiệm bình tĩnh và sâu lắng. Và sự có mặt, ở ngoài nước, chỉ mới từ một vài năm trước đó của thêm nhiều nhà văn, trong đó có Nguyễn Mộng Giác, vốn là những người, trước đó, còn ở trong nước. Sự quy tụ của những nhà văn mới đến và những nhà văn có mặt trước đó, đặc biệt từ ngay sau thời điểm 1975, đã tạo tiền đề tốt cho một sự bùng nổ (hay bùng nổ) của văn học Việt ngoài nước. Tôi nghĩ, cái duyên đó hẳn nằm trong cái thời.”]

Những cái tôi đã đọc trước đó, và học được nơi nhà trường như đã có dịp nói, giúp tôi phần nào có một cái nhìn và một phương pháp khi đi vào lĩnh vực phê bình. Nhưng, thực sự, chính là qua những sự tự tìm hiểu, học hỏi thêm qua sách vở, báo chí mà tôi tiếp tục bồi tụ thêm cho mình từ giai đoạn này trở đi, mới là những gì đã giúp tôi nhiều. Bởi lẽ, những cái tự học sau này, cộng với một cái nền đã được xây đắp từ trước, cho phép tôi tìm tòi và cập nhật những điều tôi muốn tìm hiểu thấu đáo hoặc muốn đào sâu. Từ khi sang Mỹ, tôi xây dựng lại một thư viện riêng khác cho mình. Dòng sông học hỏi, dòng chảy kiến thức ở đây mở rộng hơn nhiều so với những cái biết của tôi thời còn ở nhà. Cái học là vô biên. Và càng học, người ta lại càng nhìn thấy biển trời của sự học rộng mở. Đọc và viết cũng là một thói quen. Ta càng làm nhiều, càng đi sâu vào những việc này, ta càng quen biết hơn với những thao tác của nó. Càng dễ nắm bắt được những điều cần thiết cho việc tìm tòi, khám phá mới.

Da Màu: *Mong anh kể thêm về thời gian anh cộng tác với Văn Học, về các sinh hoạt và những buổi họp mặt tại toà soạn rất sôi động thời đó với sự tham dự của các văn hữu cột trụ Nguyễn Xuân Hoàng, Võ Phiến, Nghiêm Xuân Hồng, Võ Đình, Tạ Chí Đại Trùng, Mai Kim*

*Ngọc, Trần Mộng Tú, Bùi Bích Hà, Quỳnh Giao, Hồ Như, Phùng Nguyễn, Thạch Hãn...
Chắc hẳn anh có nhiều kỷ niệm đáng nhớ về những người bạn văn giai đoạn này?*

Bùi Vĩnh Phúc: Đối với tôi, đó là một thời rất đẹp. Cái đẹp của sự ngồi chung, sự gắn bó, sự chia sẻ, tranh luận hào hứng. Cái đẹp của những tia lửa trong các ý tưởng, của hơi ấm tình thân. Và của những tiếng cười.

Tôi đã nói về giai đoạn đẹp tươi và nhiều ánh lửa này trong một hồi ức văn học. Ở đây, có những chỗ, tôi xin phép được đưa vào câu trả lời này một vài điều đã viết trong hồi ức vừa nói. Nguyệt san “Văn Học đã là một dấu mốc, một cột cờ đẹp đẽ của dòng văn chương nghệ thuật ấy. Nó đã là tiếng reo ca và là ánh nắng của tự do—với những hạnh phúc, thiết tha, cùng với cả khổ đau và những hệ lụy của nó, của cuộc làm người Việt bên ngoài đất nước. Từ ngôn ngữ, chúng ta tìm được tâm thức và con người Việt trong những khung cảnh lưu đây. Và trong những con đường sống mới.”

Tất cả những khuôn mặt, những cái tên mà chị đã nêu ra trong câu hỏi này, và cả một số người khác nữa, đều đã là những hiện diện gần gũi và hạnh phúc của tôi và các bạn khác trong thời gian ấy. Tôi nhớ họa sĩ, nhà văn Võ Đình, một lần từ thủ đô D.C. đến chơi, và cùng gặp gỡ, “đổi ẩm” với các bạn văn trong căn nhà (thuê) “ọp ẹp” của anh Giác (khi anh còn... “hàn vi”). Võ Đình ngâm thơ, giọng Huế, rất cảm động và đẹp. Anh ngồi xếp bằng, vững chãi nhưng cũng buông lơi theo nhịp thở và nhịp thơ, cất lên những giọng điệu của một Huế buồn, xưa, cổ kính, đài các, lãng mạn và thơ mộng. Giọng ngâm như có hơi mưa của cái thành phố cổ cũ ấy, và thoáng chút sương mù sáng sớm mùa Đông trên dòng Hương buồn lặng... Cho dù, Võ Đình, từ tuổi thanh niên, đã hầu như sống suốt những tháng năm của anh ở Pháp và Mỹ. Và anh đã in nhiều tác phẩm văn xuôi ở ngoài nước, cũng như đã có hơn 40 cuộc triển lãm cá nhân và tập thể ở nhiều nước trên thế giới. Chúng tôi uống nước chè pha đặc sánh, hoặc một chút cà-phê thơm khói. Giống như tại nhà anh Nhật Tiến trong những buổi “họp văn” những năm trước đó. Rồi Võ Đình vẽ. Ký họa. Những bức vẽ rất nhanh và đẹp, bằng chì than, cho các bạn văn. Máy bức vẽ Cao Xuân Huy, Hoàng Quốc Bảo và Nguyễn Tất Nhiên của anh hôm ấy, là những bức vẽ, theo tôi, đẹp nhất. Tôi cũng được một bức. Sau này, Võ Đình còn gửi tặng tôi nhiều tranh mộc bản (thủ ấn họa) của anh. Và tranh mực tàu pha màu nước. Chữ viết của Võ Đình đẹp một cách phóng khoáng, nhưng cũng có những nét cương ngạnh. Võ Đình như thế. Và đã xa đời.



Từ trái: Võ Đình & một người bạn của anh, Hoàng Khởi Phong, Trương Vũ (Trương Hồng Sơn) và phu nhân (chủ nhà), Nguyễn thị Hoàng Bắc, Bùi Bảo Trúc, Bùi Vĩnh Phúc, và Nguyễn Mộng Giác [Washington, D.C., 1989]

Còn nhà văn, luật sư, nhà lý thuyết kiêm kịch tác gia Nghiêm Xuân Hồng nữa. Ông cũng thường hay đến ngồi chung với chúng tôi trong những lần họp mặt ở nhà anh Giác. Vai trò luật sư Toà Thượng Thẩm và Bộ trưởng Phủ Thủ Tướng trước 1975 đã rất xa. Ít nói, ông hay nở những nụ cười rất lạnh như cửa một vị tiên thoát trần. Mắt sáng, thông minh, và nụ cười luôn có trên môi. Nghiêm Xuân Hồng đã có một thời là người của “Đi Tìm Một Căn Bản Tư Tưởng” (1957), của “Cách Mạng và Hành Động” (1962), của “Người Viễn Khách Thứ Mười” (1963) mà ông chú thêm tên là “ba hồi hoang ngôn”; rồi đến thời “Tư Bình Pháp Tôn Ngô đến Chiến Lược Nguyên Tử” (1965); và bây giờ là thời của “mật tông”. Với “Lăng Kính Đại Thừa” (1982), “Mật Tông và Kinh Đại Thừa” (1986), và bốn quyển “Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc” (1988, 1989, 1991, 1992), v.v.. Ấy vậy mà, trong giai đoạn này của họ Nghiêm, tôi lại thích bài thơ rất dài, thật sáng khoái, của ông là bài “Độc Đăng Đài” (1984), gồm ba đoạn dài. Có lần, ngồi nói chuyện với nhau, tôi cười bảo tôi thích lắm bài thơ “Độc Đăng Đài” của ông.

(... Hẩn nghĩ lan man, nhớ tới mấy lời trong kinh

L'Ecclesiaste:

"Hư Không của Hư Không Tất cả chỉ là Hư Không ..."

*Nếu vậy, thì những niềm thống khổ kia cũng chỉ là hư không
sao ?*

*Như vậy, thì hơi đâu mà nhỏ lệ than van ? ...
Bỗng nghe những nhịp chân chạy lạch bạch
Thì ra một cặp vợ chồng trẻ
Mặc quần ngắn phỏ cặp đùi phốp phốp
Đương cùng nhau chạy bộ theo kiểu đường trường
Theo sau là một con chó lông xù thỉnh thoảng kêu lên ăng ăng
Cả bọn qua rồi lại thấy một cô gái đi tới
Giày vải, quần tím buộc túm mắt cá
Tóc vàng, mắt xanh, môi đỏ
Đôi vú căng phồng dưới làn áo có in mấy chữ Handle with care
Nét mặt mãi nguyện về tấm hình hài
Hắn ngẩn ngơ hồi lâu suy tư về đôi vú của Eva
Rồi bùi ngùi tự hỏi:
Không lẽ hai trái đồi tươi mát ấy lại chính là rừng rậm của khổ đau ?
Không lẽ hai trái cấm địa đang ấy lại là Không Hư cả sao ! ?
(...)*

Thích cái hào sảng và cái thức nhận về cuộc đời của kẻ, được gọi là “Hắn”, trong bài thơ dài này. Ông cười vui và lành, ánh mắt lấp lánh buồn vui như nhìn thấu suốt cả một cuộc đời, nhưng tôi thấy được cái nét hạnh phúc của một con người được hiểu, và đã rũ thoát ấy. Nghiêm Xuân Hồng giờ cũng đã xa.

Nhắc đến nhà lý thuyết họ Nghiêm cũng làm tôi nhớ đến nhà văn hoá, GS. Trần Ngọc Ninh. Bác sĩ Ninh không ở trong nhóm các nhà văn hay có dịp gặp nhau tại nhà anh Nguyễn Mộng Giác, nhưng tôi và bác sĩ Ninh thường có dịp gặp nhau ở những chỗ khác. Là một trong mấy trụ cột xây dựng nên Đại học Y khoa Sài Gòn trước 1975, ông là GS phẫu khoa chỉnh trực và phẫu nhi khoa, Đại học Y khoa Sài Gòn, gần như suốt trong thập niên '60, và là Tổng trưởng Văn hóa Xã hội đặc trách Giáo dục Việt Nam Cộng Hòa giai đoạn 1966-67. Trước khi gặp ông ở Mỹ, tôi đã đề ý đến công trình nghiên cứu về tiếng Việt của ông trong ba tập “Cơ Cấu Việt Ngữ” (trên căn bản là viết theo hướng Ngữ lý học cơ cấu/Structural linguistics của Leonard Bloomfield, cũng như đặc biệt theo hướng Ngữ pháp tạo sinh/Generative grammar của Noam Chomsky), do nhà Lửa Thiêng in năm 1973 tại Sài Gòn. Năm 1979, nhà xuất bản Việt Nam Hải Ngoại in quyển “Làm Gì?”, một tập luận thuyết mang tính văn hoá, chính trị và lịch sử của ông. Được ký dưới bút danh Trần Lê. Tôi đọc, thấy văn phong, ngôn ngữ mạnh và đẹp, và có những chỗ tâm đắc cùng vài điểm muốn góp ý. Tôi đã viết thư cho ông, và gửi qua nhà xuất bản. Ông đã trả lời và cảm ơn nhiệt tình những chia sẻ và góp ý ấy...

Cái đặc biệt bất ngờ để chúng tôi hay gặp nhau là cả ông và tôi cùng yêu mê sách. Tôi đã tình cờ gặp ông lần đầu, và sau đó mấy lần nữa như thế, ở một chỗ bán sách và đồ đạc cũ. Trong khoảng hai năm giữa thập niên '80, tôi đã gặp ông ở chỗ ấy khoảng ba hay bốn lần. Tôi đi lục lọi sách cũ đã đành; bác sĩ Trần Ngọc Ninh, quần áo chỉnh tề, đôi khi lại có thắt cà vạt, lại cũng đến những nơi “bụi bặm” và rất “bình dân” để lục tìm sách. Có lần, một tiệm

sách cổ ở Quận Orange, Calif., chuyên bán những quyển sách quý và hiếm, rao bán “hạ giá” sách để đóng cửa tiệm. Và tôi đã tìm đến vào ngày hẹn được rao. Tôi đến trước giờ tiệm mở cửa, để mong “bắt” được những quyển sách quý và hay. Đến nơi, tôi thấy có vài ba vị mê sách cũng đã có mặt, đứng chờ ở đây. Và tôi lại thấy bác sĩ Trần Ngọc Ninh. Ông và tôi như “bắt” được nhau, rất vui, và, sau đó, đến giờ mở cửa, cùng vào tìm sách. Chỉ có hai người Việt Nam là ông và tôi hôm ấy... Ngoài một lần gặp nhau trong một buổi thuyết trình chung, giáo sư Trần Ngọc Ninh và tôi thường hay chia sẻ ý kiến về sách vở ở những nơi đi lục tìm sách như thế. Ông cũng vừa ra đi vào năm nay, 2025, thọ 103 tuổi.

Dù quen biết với Văn Học, chị Quỳnh Giao gần như không hề có mặt trong những buổi gặp gỡ của “văn nhân” (mà đa số là phái nam) tại “toà soạn” báo Văn Học. Trước khi dọn xuống Quận Orange (mà người Việt thường hay gọi là Quận Cam), ở California, ca sĩ Quỳnh Giao (người cũng yêu thích văn chương và đã cho phổ biến một số bài viết mang tính hồi ức, nhận định về âm nhạc Việt) sống ở thủ đô D.C. Qua văn chương, đặc biệt qua nguyệt san Văn Học, chúng tôi đã quen biết nhau. Có lần lên chơi D.C. thăm các văn hữu, tôi đã được chị quý mến để cho sống tự do, thoải mái một ngày trong “căn hầm” riêng của chị, với đầy sách vở, tài liệu âm nhạc, và các đĩa cùng băng nhạc quý, trong khi chị vẫn phải đi làm. Căn phòng yên và ấm cúng, ánh sáng đẹp, trưng bày nghệ thuật, và tôi đã được nghe những băng nhạc thật hay trong không gian này. Dịp ấy, chị đã tặng tôi cuốn băng “The Four Seasons”, là một tổ khúc mà tôi rất thích của Antonio Vivaldi, do một dàn nhạc giao hưởng Đức trình tấu. Cho dù tôi là thầy Việt Văn, ở Việt Nam trước 1975, của một người em gái chị, tình bạn của tôi và chị Quỳnh Giao, chính yếu, cũng là do văn chương đem lại. Chị Quỳnh Giao cũng đã xa chúng ta.

Và còn bao nhiêu người nữa. Võ Phiến, mà tôi có dịp thăm ông tại nhà vài lần, với các văn hữu có người ở trong, có người ở ngoài nước, cũng đã ghi lại một tình cảm văn chương đẹp. Tôi cũng còn giữ lại được vài lá thư ông viết cho tôi. Rồi Tạ Chí Đại Trường, Nguyễn Xuân Hoàng, Phạm Công Thiện, Mai Thảo, Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc-Tuấn, Thụy Khuê, Đặng Tiến, Phan Tấn Hải, Khánh Trường, Trần Vũ, Trúc Chi, Trương Vũ, Trần Hữu Thục, và Mai Kim Ngọc, Ngô Thế Vinh, Đỗ Ngọc Yến, Lê Đình Điều, Phạm Phú Minh, Đỗ Quý Toàn, Trần Mộng Tú, Bùi Bích Hà, Kiều Chinh, Nguyễn Bá Trạc, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Trịnh Y Thư, Phùng Nguyễn, Thạch Hân, v.v., cũng là những tình thân gần gũi trong văn chương. Còn Đặng Thờ Thờ và Hồ Như, mặc dù đã viết từ thời Văn Học, Hợp Lưu, nhưng chúng tôi chỉ trở nên thân và gần gũi, gần bó hơn, sau này, qua diễn đàn Da Màu. Với Đinh Từ Bích Thúy cũng vậy. Tất cả những người cầm bút mà tôi vừa thử nhắc qua, trong một khía cạnh hay một góc độ nào đấy, đều là những người mà tôi có thể nhìn vào và học được một điều gì đó.

Ấy là những ánh lửa đẹp, và ấm, trong đời. Trong cuộc viết của tôi.

“Ngoài những bạn văn đã từng quen biết nhau và cùng nhau góp phần xây dựng tờ báo, rất nhiều bạn văn mà tôi yêu mến và có được trong cuộc sống sau này là từ diễn đàn Văn Học. Xin được cảm ơn tất cả. Tất cả những khuôn mặt, những cái tên, những con người ấy đã góp phần, cùng với những người cầm bút khác nữa, làm nên những ngọn sóng, những dấu ấn, và làm nên cái diện mạo văn học chung của cả một thời. Rồi từ đó, từ những bạn văn

trên Văn Học, hay từ những nối kết cách này hay cách khác dính líu đến Văn Học, tôi lại có được thêm bao người bạn đáng quý khác. Biết bao nhiêu ân tình đẹp đẽ và thiết tha đã được nảy nở từ một tờ báo.

Chúng tôi nhớ lại, qua những năm cùng ngồi làm Văn Học với nhau, đã có biết bao nhiêu hội ngộ văn chương đẹp đẽ, bao nhiêu tài năng đã xuất hiện và được độc giả yêu mến, quý phục, bao nhiêu tác phẩm đã được hình thành và ở lại trong lòng người đọc. Tất cả những điều đó là cái đẹp mà văn chương đã mang lại, mà chúng ta đã trao tặng cho nhau, giữa những người viết, cũng như giữa người viết và người đọc.

Ngoài một số lần chúng tôi đi chơi chung, hoặc cùng nhau tham dự, ở những thành phố hay tiểu bang xa nào đó, trên Washington, D.C. chẳng hạn, những buổi ra mắt sách hoặc cùng gặp bạn bè, thân hữu văn học, những buổi gặp gỡ của tôi với anh Giác thường là tại nhà anh, cũng là tòa soạn của diễn đàn Văn Học trong nhiều năm trời. Về mặt địa lý, chúng tôi ở gần nhau, cho dù thường không sống chung trong một thành phố; tôi lại thường cùng anh, trong một thời gian khá dài, đọc và chia sẻ những niềm vui từ những sáng tác của các thân hữu và những người viết xa gần—tin tưởng tờ báo và gửi những bài viết, những tác phẩm của mình cho Văn Học—nên tôi thường có dịp ghé qua “tòa soạn” để, phần nào, giúp lo cho tờ báo, phần khác, chia sẻ những tin tức văn nghệ và thăm hỏi về cuộc sống của nhau.”

Nhớ Văn Học là nhớ cả một thời. “Là nhớ những buổi họp mặt ở những “quán văn”, những “lều văn” khác nhau trong suốt gần 25 năm văn chương viết lách. Là nhớ những câu chuyện văn chương, văn học được mang ra chia sẻ, những “kế hoạch” văn chương được xây dựng, được “lên khung”, và rồi được hay bị xóa đi làm lại (hay bị vất bỏ luôn vào những *garage* ký ức). Là nhớ bao hăng say trong những “việc văn” được giao phó, những mỗ xê, thậm chí những tranh luận gay gắt, vì lý do này hay lý do khác. Là nhớ những trăn trở về đường hướng làm việc giữa một cộng đồng mỗi ngày mỗi phát triển lớn mạnh cùng với những phức tạp của nó, giữa những dòng chảy văn học, những trào lưu văn chương của thế giới mà cuộc sống ở ngoài nước, tuy nhiều khó khăn vất vả, nhưng cũng tạo cơ hội cho người viết nói chung, và cho chúng tôi nói riêng, được tiếp cận, học hỏi, suy nghĩ và thẩm thấu.

Nhớ bạn là nhớ cả một thời. Một thời có nhau. Một thời “bay nhảy”. Một thời lý tưởng và hăng say. Một thời thiết tha và học hỏi. Và một thời trên môi ta, dù tuổi tác thế nào, vẫn luôn có sẵn tuổi trẻ và một nụ cười.

Tuổi trẻ dễ lẫn lộn. Và nụ cười dễ xóa bỏ đi tất cả những dị biệt, những hiểu lầm, những khó khăn trên con đường hay trên cái đích mà mình nhắm tới. Tuổi trẻ dễ ta không ngại, không sợ. Và nụ cười dễ ta thả đi tất cả như mây bay.”

Da Màu: Xin cảm ơn những hồi ức rất đẹp và thiết tha của anh. Theo anh, có phải biến cố 30/4/1975 là nguyên nhân phát sinh ra Văn Học Hải Ngoại? Nếu có thể, mong anh nêu lên vài đặc tính của Văn Học Hải Ngoại.

Bùi Vĩnh Phúc: Cũng có thể nói như thế. Trước cái mốc này, ta cũng đã có những người Việt, những nhà văn Việt sáng tác ở ngoài nước. Nhưng những sáng tác riêng lẻ ấy chưa đủ

tạo thành một dòng văn học để có được một định danh rõ ràng và cụ thể. Chỉ sau biến cố vừa nói, với các cộng đồng Việt Nam được xây dựng dần dần trên khắp thế giới, và với những tờ báo tiếng Việt, dù còn non trẻ cả về mặt kỹ thuật, mỹ thuật, và dù còn non yếu về mặt bài vở, văn học hải ngoại đã từng bước được tạo lập.

Vào khoảng trên dưới mười năm sau cột mốc này, với sự có mặt của thêm nhiều nhà văn Việt ra khỏi nước, với lòng yêu thương tiếng Việt, văn chương và văn hoá Việt trong cộng đồng người Việt tỵ nạn, với phẩm chất tốt đẹp hơn cả về mặt kỹ thuật và mỹ thuật của hệ thống báo chí, với số lượng người viết đông hơn, với sự sáng tác thơ văn và các tác phẩm được in thành sách trở nên nhiều và đều đặn hơn, một dòng văn học Việt bên ngoài đất nước đã được định hình một cách rõ nét. Nhận bắt ngay được những tín hiệu này, vào tháng Sáu, 1988, tôi đã có một bài viết với tựa đề là “Một Cách Nhìn về Mười Ba Năm Văn Chương Việt Ngoài Nước (1975-1988)”. Đây là một nỗ lực phân tích, nhận định đầu tiên và có hệ thống, xét về mặt địa lý cả ở bên ngoài và bên trong Việt Nam, như được nhận xét, xác định về sự hiện diện của một dòng chảy văn chương bên ngoài đất nước. Từ đó, sau những chu kỳ 20 năm, 25 năm, 30 năm, v.v., ở ngoài nước, ta lại có được những bài nhận định, phân tích, và, một phần nào, đánh giá những thành quả của dòng văn chương Việt bên ngoài đất nước, của những tác giả/nhà phê bình khác nhau, có thể tạm kể như Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Hưng Quốc, Thụy Khuê, Nguyễn Vy Khanh, v.v.. Dòng văn học ấy, bây giờ, có thể nói là được sự đồng thuận bởi sự sử dụng và định danh qua thời gian, được gọi tên là dòng văn học hải ngoại. Cái tên đó xem như đã đứng được với thời gian. Vì nhiều lẽ. Một phần cũng có thể là do thuận tai và được sử dụng nhiều qua dòng thời gian.

Ở những bước đầu, có nhiều ý kiến đóng góp vào sự định danh của dòng văn học này. Như *Văn Học Di Tản*, *Văn Học Di Dân*, *Văn Học Lưu Vong*, *Văn Học Hải Ngoại*, *Văn Học Ngoài Nước*, v.v.. Ba cách định danh đầu dần dần mất đi tính thích đáng vì chúng không phản ánh thật đúng tình thế người Việt có mặt ở ngoài nước, theo dòng thời gian, sau 1975. Hoàn cảnh và tâm thế di tản, di dân, và lưu vong, theo thời gian và cuộc sống xã hội, cũng như tâm thế sống của người Việt, đã mang những màu sắc và âm vọng khác. Đặc biệt là sau sự kiện bức tường Bá Linh sụp đổ năm 1989, và sự giải thể của CS Liên Xô năm 1991.

Cái tên *“Văn học hải ngoại”* nghe thuận tai, và có ý kiến cho rằng *“hải ngoại”* nghe *“sang trọng”*, vì là từ Hán-Việt. Dù sao, trong lịch sử, chúng ta đã sử dụng những nhóm từ *“Đàng Ngoài”* và *“Đàng Trong”* cho những dòng văn học miền Bắc và miền Nam thời Trịnh - Nguyễn phân tranh (cho dù đôi khi hai dòng này cũng còn được gọi tên là *“Văn học Bắc Hà”* và *“Văn học Nam Hà”*). Chúng ta cũng thường dùng danh ngữ *“Văn học trong nước”* mà không dùng *“Văn học quốc nội/hải nội”*. Cách dùng của cụ Phan Bội Châu thời xưa với *“Hải ngoại huyết thư”* có lẽ cũng là một gợi ý cho nhóm từ *“Văn học hải ngoại”*. Nhưng ta không dùng theo đúng từ pháp Hán, là *Hải ngoại văn học*, theo cách cụ Phan Bội Châu đã dùng với *“Hải ngoại huyết thư”*. *Hải ngoại văn học* nghe khá cổ cũ và mang chứa một âm vang như từ trong quá khứ. Ta dùng lật lại, *“Văn học hải ngoại”*, theo từ pháp tiếng Việt. Cách dùng như thế giúp cho âm điệu của cả danh ngữ này nghe nhẹ nhàng hơn.

Còn đối với danh ngữ *“Văn học ngoài nước”*, tôi cảm nhận được sự rung động của thân tâm với chữ *“nước”*. Nó tạo được nhiều hàm nghĩa, gắn bó với cội rễ, gốc nguồn mình. Cho

dù nó là tiếng Nôm. Qua sự phát âm, tôi nhận được những rung chấn cả ở tâm hồn và thân xác mình. Nó mang chứa một âm điệu xưa cũ và mộc mạc, gắn bó nhiều với những tình tự quê hương. Nguyễn Du từng có câu “Thôn ca sơ học tang ma ngữ” [Tiếng hát nơi thôn xóm (làm cho ta) bước đầu học được tiếng nói của người trồng dâu, trồng gai)]. Những tiếng hát, tiếng nói quê mùa, dân dã đã khắc sâu vào lòng ta những lời nước non thân thiết. Làm ta nhớ đến bài thơ “Thề Non Nước” của Tản Đà. Chữ “nước” cũng có thể gợi nhắc đến hai câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan: “Nhớ *nước* đau lòng con quốc quốc / Thương nhà mỏi miệng cái gia gia”. Hai câu này lại đưa dẫn ta đến với *cái* và *con*, hai chữ Việt đầy biến hoá và mang sức nặng ngữ nghĩa trong ngôn ngữ dân tộc.

Bàn qua về hai lối nhìn, hai cách định danh thể thơ. Nhưng cái tên “Văn học hải ngoại” đã được dùng quen. Bây giờ, nó gắn bó và khơi dậy những gì thân thiết với người Việt xa nhà, và với cả một dòng sông chảy tràn và vượt qua bao bão táp. Nó đã là một phạm trù lịch sử.

Về một vài đặc tính của văn học hải ngoại (và về cả sự định danh của dòng văn học này), là một người tham dự vào dòng văn học ấy trong suốt chiều dài của nó, tôi đã có dịp trình bày khá kỹ, ở bài nhận định nói trên, hiện vẫn có thể tìm được trên một số trang báo mạng, nên xin được miễn trình bày thêm ở đây. Những đặc tính ấy có thể thay đổi ở một mức độ đậm nhạt nào đó, căn cứ vào hoàn cảnh sống, tâm thế sống của người Việt từ năm 1988 đến nay. Dù sao, ta có thể lắng nghe thêm những suy nghĩ và nhận định của nhiều người cầm bút khác.

Da Màu: Mong anh cho nhận xét về sự khác biệt giữa Văn Học Miền Nam 1954-1975 và Văn Học Việt Nam Hải Ngoại.

Bùi Vĩnh Phúc: Sự khác biệt chính nằm ở hoàn cảnh lịch sử, môi trường sống, cũng như tâm thế sống của người viết và người đọc. Cũng có cái giống từ góc nhìn. Nói về Văn Học Miền Nam 1954-1975 (VHMN 1954-1975) thì sẽ không thoát khỏi sự đối chiếu giữa hai nền văn học trong Nam và văn học ngoài Bắc, trong cùng một giai đoạn (một sự đối chiếu khách quan, không cảm tính, để thấy cái đặc thù, mạnh yếu của mỗi dòng)—cũng như khi nói về văn học Đảng Trong (văn học Nam Hà), người ta thường dễ đặt nó trong thế đối sánh với văn học Đảng Ngoài (văn học Bắc Hà). Còn nói về Văn Học Việt Nam Hải Ngoại (VHVNHN / VHHN) thì thường sẽ có cái nhìn đối sánh với văn học trong nước.

VHMN 1954-1975 được viết và đọc trong cái nhịp sống và tâm thế sống của những con người vẫn sống tại quê hương, mặc dù khác với cái nhịp sống và tâm thế sống của những con người ở miền Bắc vào cùng giai đoạn. Đó là dòng văn học pha trộn giữa cái chơn chất, thật thà, lảng lẩy và phóng khoáng của người dân miền Nam đã ở sẵn đó; cái cuồng nộ, sóng gió nhưng cũng hết sức thơ mộng của người miền Trung; và cái lịch lãm, sắc sảo, văn hoa, cộng với niềm hoài vọng về một nơi chốn đã rời bỏ của những người cầm bút di cư từ miền Bắc vào. Và chính những con người “tha hương” nhớ về “cố thổ” này, sau đó, cùng với những người cầm bút của miền “sông Hương núi Ngự” và của “đất phương Nam”, đã tạo nên một

dòng văn chương đầy sức sống, phong phú, đa dạng, đa giọng, đa âm sắc, nhiều hương vị, bay múa theo cái nhịp sống tràn đầy, thiết tha và nóng hổi của VHMN 1954-1975.

Đã có những bài viết, những tiểu luận đẹp và sâu sắc về đề tài “20 Năm Văn Học Miền Nam (1954-1975)” của nhiều tác giả hoặc nhà nghiên cứu, trong vòng trên dưới 10 năm nay. Đó là những cái nhìn lại, những cuộc nhìn lại, cần thiết để thấy được sức sống của chữ nghĩa, tư tưởng và hành trạng của chúng ta, như những con người được nuôi dưỡng và lớn lên trong cái hơi thở chứa đầy mùi phù sa đất cát màu mỡ của miền đất ấy. Nhưng đó cũng chính là cái sức sống của chữ nghĩa, tư tưởng và hành trạng của tất cả chúng ta, của cả một dân tộc. Nó là cái dòng triều cuộn cuộn, hoà vào cái nhịp triều dâng cao và chảy xiết của đời sống dân tộc, với những mặt hạnh phúc, xót xa, hân hoan và chảy máu, phản ánh cuộc sống, tâm hồn và hướng tới của con người Việt nói chung. Tôi cũng đã có dịp trình bày và viết về đề tài này trong bài **“Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam (1954 – 1975): Phẩm Tính và Ý Nghĩa”** (2014). “Văn Học Miền Nam”, như được nói đến ở đây, không chỉ là một cái tên. Nó là một thực thể, cũng đồng thời là một biểu tượng. Bàn về *phẩm tính* là một chuyện dĩ nhiên. Còn về *ý nghĩa*? Trong khung cảnh lịch sử Việt Nam, nó nên và cần được xét về mặt ý nghĩa, ý nghĩa về chính sự hiện diện của nó, khi ta đặt nó trong dòng chảy của văn học Việt Nam (nói riêng, và văn học hiện đại thế giới nói chung). Ý nghĩa của nó có thể được nhìn cả về mặt đồng đại lẫn lịch đại trong tiến trình phát triển của văn học Việt. Chỉ xin phép được nói qua như vậy, và không đi sâu thêm ở đây.

Văn học VNHN, ngược lại, được khởi dựng bởi những con người sống trong một tâm thế khác. Những con người sống trên đất khách, với tâm trạng xa nhà, pha lẫn buồn đau, giận uất, ít nhất trong giai đoạn đầu. Sau đó, với sự sống đã ổn định, tâm hồn ngoài cái khắc khoải cũ, đã bắt đầu tiến đến tâm trạng làm quen, hoà nhập ở một mức độ nào đó vào cái mới, để sống còn và phát triển, những con người cầm bút ấy, đặc biệt những người ở các thế hệ sau—cùng với người đọc của họ—đã sống với tâm trạng “thế giới” hơn. Hay với một tâm trạng “kép”, mang tính “lai ghép”, với những phức tạp và trăn trở riêng.

Môi trường sống, hoàn cảnh sống, thời đại sống và tâm thế sống khác biệt, đưa đến sự đổi khác. Trong cách nhìn, cách cảm nhận cuộc sống, và, sau đó—đặc biệt nơi những người cầm bút có ý thức vượt thoát, làm mới, có sự tiếp xúc rộng rãi hơn với văn chương thế giới—trong cách thức thể hiện. *Cái thể* của văn đã dần dần có sự thay đổi.

Dù sao, con người sống là sống cùng và sống với. Sống với những người khác, với những hình ảnh, âm thanh, dòng chảy của sự sống và những biến động quanh mình. Cái sống của thời VHMN 1954-1975 và cái sống của Văn học VNHN khác nhau nhiều vì chúng tiếp cận với sự va đập và những “chất sống” khác nhau. Ngoài ra, cái thời của hai dòng văn học này cũng khác.

Tóm kết, tôi nghĩ, giữa hai dòng văn học này chắc chắn có sự kết nối, sự bắc cầu. Có một sợi dây dẫn, như sợi dây nhau, đưa dẫn và chuyển dịch, trao truyền sự sống. Khi sự sống mới bắt đầu, sợi dây nhau đó có thể được cắt đi, nhưng những nhiễm sắc thể, cái gien, đã nằm sẵn nơi cái sống mới. Nó giữ lại tất cả những đặc điểm trao truyền và dẫn nối đó; nhưng cái sống mới sẽ có những con đường riêng của nó trong sự tiếp xúc với mọi sự, đến từ mọi hướng, để

giúp nó phát triển. Cái sống mới ấy sẽ khác đi, cách này hay cách khác, cho dù trong nó vẫn còn cái dưỡng chất và “bản đồ tham chiếu” ban đầu.

Da Màu: Theo quan sát của anh, có sự giao thoa nào giữa Văn Học Hải Ngoại và văn học trong nước không, và sự giao thoa đó diễn ra như thế nào?

Bùi Vĩnh Phúc: Tôi nghĩ là có sự đọc và nhìn ngắm nhau. Ở một mức độ nào đó. Trong một mắt nhìn, sự tạm gọi là giao thoa này cũng có những đường nét giống như sự giao thoa của những người viết trên khắp thế giới đối với nhau. Họ đọc nhau, và họ ảnh hưởng qua lại, tương tác với nhau và trên nhau. Cái viết và những tư tưởng, cách nghĩ, sự làm mới trong sáng tác được chia sẻ rộng rãi. Nhưng mỗi kẻ sáng tạo, thật sự sáng tạo, lại có cái riêng của mình. Và chính cái riêng ấy làm nên dấu ấn của họ. Không có cái riêng ấy, họ nhòa đi, và có khi bị xem là kẻ lặp lại.

Văn Học Hải Ngoại và Văn Học Trong Nước, dù sao, chưa thật sự có được sự chia sẻ cần thiết và có thực chất để có được một sự giao thoa. Trong một giai đoạn trước khi có sự bùng nổ của các diễn đàn mạng, vì hoàn cảnh xã hội, có một số nhà văn trong nước đã gửi bài ra cộng tác với một vài diễn đàn văn học ngoài nước, đặc biệt là với Hợp Lưu và Văn Học, và với cả tạp chí Thơ (của nhóm Khế Iêm). Nhưng sau đó, hoàn cảnh dần dần thay đổi. Và, với sự làm quen với các diễn đàn mạng, với sự mở rộng và tự do của mạng, sự vươn ra bên ngoài để đăng bài trên các báo in ở ngoài nước ấy có lẽ không còn cần thiết nữa. Việc viết và đọc, qua các kênh giao tiếp mới này, có những khía cạnh và biên độ mới.

Nhìn lại toàn bộ, các kênh “phát sóng” của cả hai bên chưa được kết nối trực tiếp và rộng mở. Chỉ có những người, cả ở trong nước và ngoài nước, cả người đọc lẫn người viết, quan tâm đến chữ viết và sự suy nghĩ, cùng lối sống, lối ăn nói, hành xử, v.v., của người ở phía bên kia mới tìm tòi để đọc và hiểu nhau. Chưa có một sự giao lưu và mở cửa chính thức. Cho dù một số rất ít tác phẩm của tác giả ngoài nước đã được in và phổ biến trong nước. Và, ngược lại, một số lớn các tiệm sách báo ngoài nước cũng bày bán một cách giới hạn các tác phẩm trong nước. Vấn đề ở bên trong là chính sách, và ở bên ngoài là hoàn cảnh và nhu cầu thị trường. Ở ngoài nước, các chủ tiệm sách, một phần vì không có đủ sách Việt của các tác giả hải ngoại (nhất là trong giai đoạn sách in đang thiếu hụt, khó tiêu thụ, vì gần như mọi sự đọc bây giờ được chuyển lên internet), một phần vì muốn có sách bán, và có thể cũng vì biết nhu cầu của người đọc, đồng thời cũng muốn giới thiệu một số tác phẩm/tác giả ở trong nước, đã bày bán sách từ Việt Nam. Dù sao, họ chỉ có thể chọn lựa một số giới hạn tác giả và một số loại sách. Đặc biệt những sách dễ đọc và dễ bán. Không thể giới thiệu tất cả mọi sách vở ở trong nước được. Như thế là cũng bị giới hạn bởi hoàn cảnh cuộc sống, của vấn đề buôn bán, thương mại, và nhu cầu của người đọc.

Mạng internet là “kênh” chính thức giúp cho sự đọc và biết qua lại này giữa hai bên, mặc dù người đọc trong nước cũng không hẳn là có thể đọc được thoải mái và tất cả những diễn đàn văn học có gốc ở nước ngoài. Nhưng cái đọc ở đây cũng chỉ giới hạn vào những người trong nước có sự để ý và quan tâm. Việc đọc văn học Việt hải ngoại của người trong nước chưa được phổ thông hoá về mặt xã hội qua các ấn phẩm in trên giấy và được bày bán rộng

khắp trên diện cả nước. Trong những năm gần đây, dù sao, có những tín hiệu hy vọng cho thấy một sự nhận thức tốt hơn. Mong là vấn đề này sẽ nhận được sự quan tâm xứng đáng và cần thiết, của những người có liên hệ đến chính sách và thiết tha với văn hoá dân tộc, để văn học Việt Nam có được cái phong nhiêu với nhiều màu sắc và biên độ phản ánh rộng lớn và thích đáng của nó.

Sự đọc hiện tại, ít nhất là qua internet như thế, cũng, phần nào, giúp cho người viết và người đọc bên trong và bên ngoài biết và hiểu nhau hơn. Ở đây, phải cảm ơn những diễn đàn văn chương mạng cả ở trong và ngoài nước, từ nhiều năm nay, với những nỗ lực bền bỉ, thiết tha và sự hy sinh thời giờ, sức lực của những người yêu mê và trân trọng với văn học và con người Việt. Những diễn đàn đó là cần thiết. Chưa nói là giao thoa, nhưng tôi thấy có sự ảnh hưởng qua lại trong cách viết của cả hai bên. Và đó là điều cần và quý. Để viết được cho hay, cho sâu, người viết phải đọc nhiều. Để học hỏi cái hay, thậm chí cái dở của người khác (để tránh). Cái đọc chính là ngọn đèn soi đường để ta tiến lên phía trước. Và, nhiều khi, cũng là ngọn đèn để soi lại chính mình. Cái viết mình. Đời sống mình. Tôi tin là con người, nói chung, luôn cần một sự đọc như thế.

Da Màu: *Có những nhà văn/nhà phê bình hay tác phẩm nào đã là nguồn cảm hứng đặc biệt cho anh trong việc viết không?*

Bùi Vĩnh Phúc: Để viết, ta phải đọc. Đọc để mở rộng tầm nhìn, để học hỏi, để phản biện và để chấp nhận những cái nhìn, những lối nghĩ khác ta. Người không đọc mà cầm viết giống như kẻ mù cầm củi đi trong đêm. Cũng có thể kẻ ấy sẽ đi đến một cái đích nào đó, nhưng chắc chắn cái đi ấy sẽ có nhiều sự chệch choạc. Sự đọc giúp ta có một khoảng không mở ra trên cao, với nắng gió và ánh sáng. Những điều ấy giúp cho hơi thở và mắt nhìn ta được khoảng khoát. Có thể đôi lúc cũng có sấm sét. Dù sao, ngay cả sấm sét cũng giúp ta thấu hiểu và nhận thức đúng cuộc đời hơn.

Tôi đọc trong tâm thức ấy. Và gặp được những người mà mình có thể học được điều này điều nọ từ cái viết của họ. Để viết về sự đọc và học này, một người viết nghiêm túc có thể chia sẻ nhiều điều. Đối với riêng mình, tôi muốn cảm ơn những người đi trước, với tác phẩm của họ, đã mở ra cho tôi những chân trời. Trước đó là tối đen, mù mịt, hoặc tưởng như không có. Họ đã làm sáng các chân trời bằng những ngọn lửa của mình. Họ đã làm cho chúng hiển lộ.

Tôi nhớ đến trường hợp của Gabriel García Márquez và quyển sách “Pedro Páramo” của Juan Rulfo, viết năm 1955. Đây là một tác phẩm kỳ lạ, nổi tiếng với cấu trúc thử nghiệm, hình ảnh phong phú, và sự khám phá các chủ đề như ký ức, tội lỗi, và sự hiện diện, ám ảnh của quá khứ. Nó kể về Juan Preciado, kẻ đã thực hiện một hành trình để đến thị trấn (ma) Comala với mục đích tìm cha mình, Pedro Páramo. Nhưng anh ta lại khám phá ra một nơi tràn ngập âm hưởng của người chết, của cõi âm, và cái di sản đen tối của cha, người mình muốn tìm kiếm. Cuốn tiểu thuyết đã có ảnh hưởng lớn đến văn học châu Mỹ Latinh, đặc biệt là đến chủ nghĩa hiện thực huyền ảo.

Márquez cho biết rằng nhờ đọc quyển sách “Pedro Páramo” của Juan Rulfo mà ông đã tìm được cách viết quyển “Cien años de soledad” (“Trăm Năm Cô Đơn”, 1967). “Cien años de soledad” đã trở nên nổi tiếng khắp thế giới, giúp Gabriel García Márquez đoạt giải Nobel văn chương năm 1982. Sự thú nhận của Márquez không làm sút giảm ánh sáng toả chiếu từ tác phẩm riêng của ông. “Cien años de soledad” được xem là một trong những thành tựu đỉnh cao của văn chương nhân loại, và đã đưa văn học châu Mỹ Latinh vào mắt nhìn của thế giới.

Cái đọc, như thế, là một điều quan trọng trong hành trình viết của bất cứ một người cầm bút nào.

Tôi đọc các nhà văn, nhà thơ, các nhà nghiên cứu, phê bình, biên khảo của Việt Nam cũng như của thế giới. Trong khoảng vài chục năm nay thì tôi có cơ hội đọc nhiều hơn về các tác giả có những tác phẩm mà tôi nghĩ đã tạo nên nhịp thở và tiếng đập của trái tim nhân loại. Tôi đã hạnh phúc và học được nhiều điều từ tất cả những cái đọc ấy. Sự đọc làm con người sống phong phú, tràn đầy và thiết tha hơn.

Ở một mức độ nào đó, tôi đã chia sẻ kinh nghiệm đọc này của tôi trong bài “Nói Chuyện Đọc và Viết & Cái Sống, Thân Phận, Hiệu Ứng của Chữ”, được phổ biến khoảng một năm trước đây. Vậy, xin phép được không trình bày thêm nữa.

Đọc là một chất liệu nuôi dưỡng cái viết nơi người cầm bút. Trong những thứ “thực phẩm trần gian” (“Les nourritures terrestres” (1897), chữ/tác phẩm của nhà văn André Gide, Nobel văn chương 1947), những quyển sách hay, những tác giả tài năng, là những “cửa ăn” cần thiết cho bất cứ ai muốn tiến xa trên con đường cầm bút.

Da Màu: Với sức đọc “thiên kinh vạn quyển” như thế, anh đã có một thư viện riêng rất lớn, nhưng nghe nói anh từng có lần “tung hê” (hay, đúng hơn, là trao tặng đi) rất nhiều sách của mình. Trong hoàn cảnh và với lý do nào anh đã làm chuyện ấy?

Bùi Vĩnh Phúc: À, lúc đó là vào giai đoạn cả thế giới đang bị đại dịch Covid-19 bủa vây, trong khoảng hai năm rưỡi, từ tháng Một, 2020 đến tháng Năm, 2023. Tôi cũng bị “giam” trong nhà, không có dịp gặp gỡ bạn bè thân hữu như trước. Tôi dùng thì giờ ấy để đọc sách. Lục tìm những sách vở cũ ra đọc và xem lại. Thấy mình có quá nhiều sách. Thấy hạnh phúc trong việc lục lợi và đọc lại các loại sách báo và tài liệu cũ. Rồi, đến một lúc, tôi nghĩ cuộc đời này cũng quá “vô thường”, sao không trao tặng bớt sách đi cho nhiều người cùng đọc. Thế là, sau đó, tôi mất khoảng từ hai đến ba tháng để lục lợi, duyệt xét lại tất cả các loại sách mà tôi đã thu thập được từ khi đến Mỹ, có nghĩa là trong hơn 40 năm tính đến thời điểm ấy. Sách vở lúc bấy giờ được lục ra, xếp la liệt đầy nhà. Tôi lọc lựa ra khoảng từ bốn đến năm ngàn quyển sách để giữ lại; còn tất cả khoảng hơn năm ngàn quyển khác tôi phải cất công cho vào các thùng carton (cũng phải ra Home Depot mua nhiều), chất đầy nhà. Để chuẩn bị cho đi. Nhà cửa lúc ấy rất buồn cười! Tôi phải mua giấy dầu “băng kín” lại những bức tường trắng trong nhà—giống như mình đang sửa nhà vậy—để các thùng sách này khỏi làm bẩn hay xước các bức tường. Mà chuyện bỏ sách đi, vui thì vui vì thấy mình đang làm được một việc tốt, là đem sách chia sẻ cho nhiều người khác đọc, nhưng, một cách nào đó, cũng giống như mình tự lột da mình vậy. Tất cả sách vở là những kỷ niệm đã bám vào đời sống mình.

Mỗi quyển sách đều nhắc tôi nhớ đến lần đầu tiên tôi tìm được nó ở đâu. Trong hoàn cảnh hay giai đoạn nào. Đời sống và tâm thái mình lúc gặp gỡ nó lần đầu, mua nó về nhà, đọc và hạnh phúc với nó thế nào, v.v..

Việc lục lọi và sắp xếp sách để giữ lại hay cho đi không dễ. Vì việc ấy dính líu đến chuyện xem lại, ở một mức độ nào đó, cả chục ngàn quyển sách. Có những loại sách báo, nhất là những quyển sách hay những tờ báo cổ, một khi đã lục ra, giờ qua một vài trang, là nhiều lúc không dừng lại được. Lại mê man đọc. Và đủ mọi thứ kỷ niệm ủa về. Lúc ấy, tôi như là sống với sóng. Sóng hình ảnh, sóng cảm xúc, sóng thời gian, từ bao nhiêu kỷ niệm cứ ào ạt đổ về, nhồi tôi bập bênh trên những dòng lũ... Sách từng thùng, để chồng trong nhà kho, chất cao ngất ngưỡng từ nhiều năm. Phải bắc thang, trèo lên, bê từng thùng xuống. Rồi mở ra, lục lọi, chọn lựa. Rồi lại sắp xếp, phân loại, rồi bỏ chúng vào các thùng mới. Thùng nào giữ lại, thùng nào cho đi. Sách bỏ vào thùng, chất lên, rất nặng, sức mình không làm nổi, tuổi tác cao nếu cố quá có thể gãy lưng. Tôi phải thuê người đến giúp việc khuân vác, và xếp chồng lên nhau các thùng sách. Sau khi đã bỏ sách báo vào cả mấy trăm thùng sách, chất đầy cả trong nhà, ngoài vườn, ngoài cửa, để đem cho, tôi lại phải tiếp tục thuê người đem xe *pick-up* đến khuân ra xe, và thực hiện nhiều chuyến đi với họ, trong nhiều ngày, đến các thư viện để cho sách.

Trong suốt quãng thời gian ấy, tôi được sống với nhiều cảm xúc. Nhớ lại cả về những ngày còn bé “vừa đi vừa đọc sách” trên những đường phố thưa thớt xe cộ và đầy bóng cây xanh, với tiếng kêu luyt chuyt của các loài chim trên cao, nắng vàng nghiêng xuống. Chân đi trên đường mà hồn thì bay mãi về tận thời xa xưa với “những cuộc phiêu lưu của người tiền sử”, hay sống lại thời nhà Minh bên Tàu với những biến loạn của “Thiếu Lâm trường hận”, hoặc lên đèn trên sóng nước bao la với “Magellan, người chinh phục đại dương”. Nhớ lại những ngày đi lục sách cũ bày trên vỉa hè của những con đường Công Lý, Pasteur... ở Sài Gòn; những lúc la cà bên các *kiosques* chứa đầy sách báo trên các con đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Pasteur, Công Lý. Rồi đạp xe hay lái xe về, với một tay nải đầy sách, và mấy chùm mây ngũ sắc phía trước mặt trên đường trở về “cố quận”, để mở từng trang sách ra đọc. Bao nhiêu quyển sách thơm mùi giấy mới. Những kỷ niệm, như những tờ giấy cũ cằn, vàng ố, và nhàu nát. Mở những tờ giấy vàng ố ấy ra, rồi vuốt lại cho phẳng phiu. Mây vẫn bay đầy trong ấy.

Chuyện mang cho sách ấy của tôi, Đinh Từ Bích Thuý—một dịch giả, biên tập viên, và chủ biên Da Màu (2010-2012)— chia sẻ trong email riêng vào dịp Giáng Sinh 2020, với một nụ cười nghịch ngợm, là một sự “thoái vốn”. Thuý nói là Google dịch thế. Nó dịch chữ “divest”. Mình không tiếp tục “invest” nữa, mà lại “divest”. Chị viết thêm (trách móc Google là “vô cảm, tư bản và ... đần (!)”). Thuý đưa ý kiến là Google không để ý hay quan tâm đủ đến những nét tích cực của từ “divest”). Khô! Máy móc nó như thế! Thật ra, chữ “divest” này của tiếng Anh có nhiều màu sắc và ý nghĩa khác biệt. Nhưng “thoái vốn” là một chữ rất hay trong lĩnh vực, phạm vi riêng của nó. Trong trường hợp tôi, việc tìm cách trao tặng sách, và, phần nào, thoát ly khỏi sách vở, chữ “thoái vốn” này thật ngộ nghĩnh. Tôi cũng chẳng ngờ có ngày mình lại chơi trò “thoái vốn” một cách ... căng thẳng và hạnh phúc đến

vậy. Một cuộc “thoái vốn” giữa những kỷ niệm vàng ó đầy mây cùng mùi thơm tưởng tiếc của thời gian.

Da Màu: *Độc giả đã được nghe nhà phê bình, nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học Bùi Vĩnh Phúc kể về hành trình đọc và viết của anh với tất cả niềm đam mê văn chương chữ nghĩa. Bây giờ xin được mời nhà giáo Bùi Vĩnh Phúc nói về một sở trường khác của anh, là ngôn ngữ. Đọc những gì anh viết về các vấn đề ngôn ngữ (nhất là về ngôn ngữ Việt Nam) rất thú vị. Người mình có câu nói “Phong ba bão táp không bằng ngữ pháp Việt Nam”. Để mở rộng từ vấn đề ngữ pháp đến chuyện ngôn ngữ nói chung, mong anh cho một nhận định về ngôn ngữ Việt, theo anh có lắm “phong ba bão táp” không? Và chắc hẳn nó là một trong những loại ngôn ngữ khó học và “lắt léo” nhất trên thế giới?*

Bùi Vĩnh Phúc: Chuyện “phong ba bão táp” liên hệ đến chuyện “ngữ pháp Việt Nam” là... chuyện “có thật”. Câu nói ẩn dụ ấy hay. Lại có vần có điệu. Làm ta nhớ. Và, chỗ này chỗ kia, ta cũng đã nghe và được đọc nhiều câu chuyện lý thú về chữ Việt, tiếng Việt. Thế nhưng, khi người ta đã quen biết đủ với một (số) ngôn ngữ nào đó trên thế giới, chắc chắn người ta cũng sẽ thấy là không chỉ tiếng Việt, chữ Việt, mà ngôn ngữ nào trên đời (hay trên thế giới) này cũng đều có cái đặc thù, phong nhiêu và... “lắt léo” của nó.

Nhà nhân học Claude Lévi-Strauss là người đã bác bỏ hoàn toàn quan niệm cho rằng ngôn ngữ của các bộ lạc "sơ khai" là đơn giản hay kém phát triển hơn so với ngôn ngữ của các xã hội "văn minh". Và đây là một trong những tư tưởng cốt lõi của ngành nhân học cấu trúc (structural anthropology). Những ý này của ông được thể hiện rõ nhất trong cuốn "Race et Histoire" (Chủng tộc và Lịch sử), một tác phẩm ông đã viết vào năm 1952. Chúng cũng được lặp đi lặp lại và củng cố vững chắc trong các tác phẩm khác của Lévi-Strauss.

Để tổng hợp các ý đó một cách súc tích, ta có thể tạm đưa ra một diễn đạt như sau, căn cứ trên những ý tưởng của ông:

"Il n'existe pas de langues primitives, au sens où l'on a longtemps parlé de peuples primitifs. Toutes les langues, quelle que soit la simplicité de la société qui les parle, obéissent à des règles aussi complexes que celles du français ou de l'anglais. La structure du langage est le miroir de la complexité de l'esprit humain, et non du niveau technologique d'une culture."

["Không hề có ngôn ngữ sơ khai (nguyên thủy), theo cái nghĩa mà người ta đã từng nói về các bộ lạc sơ khai. Mọi ngôn ngữ, bất kể sự đơn giản của xã hội sử dụng chúng, đều tuân theo những quy tắc phức tạp như tiếng Pháp hay tiếng Anh. Cấu trúc của ngôn ngữ chính là tấm gương phản chiếu sự phức tạp của tâm trí con người, chứ không phải là trình độ công nghệ của một nền văn hóa."]

Ý tưởng này là một chủ đề xuyên suốt trong nhiều tác phẩm của Claude Lévi-Strauss, nhưng nó được phân tích và trình bày một cách cô đọng nhất trong một số tác phẩm chính:

1. **"Anthropologie Structurale" (Nhân Học Cấu Trúc):** Đây là một cuốn sách tập hợp các bài tiểu luận của ông. Trong đó, ông sử dụng ngôn ngữ học cấu trúc như một mô hình để nghiên cứu các lĩnh vực khác của văn hóa như thần thoại, thân tộc và nghi lễ.
2. **"Race et Histoire" (Chủng tộc và Lịch sử):** Trong tác phẩm này, ông tranh luận một cách mạnh mẽ rằng sự đa dạng của các nền văn hóa không phải là bằng chứng

cho sự khác biệt về "chủng tộc" hay sự kém phát triển, mà là kết quả của các lựa chọn lịch sử và văn hóa khác nhau. Ngôn ngữ, với sự phức tạp vốn có của nó, là một bằng chứng quan trọng cho luận điểm này.

Lévi-Strauss đã chỉ ra rằng ngay cả những ngôn ngữ tưởng chừng "giản đơn" nhất cũng có ngữ pháp, cú pháp và ngữ nghĩa vô cùng phong phú, thể hiện khả năng tư duy trừu tượng và logic (hay "lý tính") sâu sắc của người bản xứ. Tôi đã có dịp nói qua về tư tưởng này của Lévi-Strauss trong quyển **"Trịnh Công Sơn / Ngôn Ngữ và Những Âm Ảnh Nghệ Thuật"** (2005) khi nói về những khúc thức, tuy có vẻ giản dị, của họ Trịnh, nhưng chúng vẫn thể hiện được sự đẹp đẽ và cuốn hút của chúng đối với người nghe. Đó là chưa nói đến cái đẹp "huyền ảo" đầy tính lai ghép giữa mộng tưởng và hiện thực trong hình ảnh, chữ nghĩa, ngôn ngữ của người nhạc sĩ. Sự so sánh này, liên hệ đến quan điểm của Lévi-Strauss, dù sao, cũng chỉ mang tính ẩn dụ thôi, vì đây là so sánh giữa ngôn ngữ âm nhạc—giữa những nốt nhạc và cách sắp xếp chúng—with ngôn ngữ nói chung, nhưng tôi nghĩ nó cũng có thể đưa đến một suy nghĩ tương đồng nào đó.

Trong tác phẩm **"La Pensée Sauvage"** (Suy Tưởng Man Mọi, hay, thích đáng và trung tính hơn, **Tư Duy Hoang Dã**), một trong những cuốn sách quan trọng nhất của ông, Lévi-Strauss không trực tiếp nói về ngôn ngữ mà tập trung vào tâm trí hoang dã (*pensée sauvage*) và cách nó tổ chức thế giới. Ông cho rằng tâm trí này không hề "sơ khai", mà là một hình thức tư duy logic hoàn toàn độc lập, khác biệt nhưng không hề thua kém so với tư duy khoa học hiện đại. Lévi-Strauss lên án việc xem sự sử dụng các khái niệm trừu tượng (của người "nguyên thủy") như một bằng chứng cho thấy "sự nghèo nàn trí tuệ của những người hoang dã" [*(une preuve de) « l'indigence intellectuelle des sauvages »* (*La Pensée Sauvage*)], [tức là] những con người chỉ bằng lòng với các thuật ngữ chung chung vì họ không thể thực hiện các phân biệt tinh tế. Lévi-Strauss muốn khẳng định rằng, ở khía cạnh này, không có sự khác biệt căn bản giữa các xã hội được gọi là "nguyên thủy" và các xã hội mà các nhà dân tộc học thuộc về. Ông đã chứng minh rằng "việc sử dụng các thuật ngữ ít nhiều trừu tượng không phụ thuộc vào năng lực trí tuệ, mà là do những mối quan tâm được biểu hiện và chi tiết hóa một cách không đồng đều trong mỗi xã hội cụ thể." [*« l'usage de termes plus ou moins abstraits n'est pas fonction de capacités intellectuelles, mais des intérêts inégalement marqués et détaillés de chaque société particulière »* (*ibid.*)].

Ông cho rằng các hệ thống phân loại của các bộ lạc (như totems, thần thoại,...) cũng phức tạp và có tính logic nội tại không kém gì các bảng tuần hoàn hóa học hay hệ thống phân loại sinh học. Do đó, mặc dù không trực tiếp đề cập đến ngôn ngữ trong câu nói này, nhưng thông điệp chính của nó là: khả năng tư duy của con người là phức tạp bẩm sinh, và ngôn ngữ của họ là một bằng chứng rõ ràng cho khả năng đó, bất kể nền văn hóa của họ ở trình độ phát triển nào.

Da Màu: Anh có thể nói, ở một mức độ sơ lược nào đó mà anh nghĩ mình có thể trình bày, cái rắc rối và "lắt léo" của một vài ngôn ngữ mà anh đã từng quen biết?

Bùi Vĩnh Phúc: Tôi nghĩ, mỗi ngôn ngữ là một thế giới riêng với những quy tắc, sự phong phú và cả những "khó khăn" đặc biệt của nó. Việc nắm bắt những nét đặc thù này giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về văn hóa và cách tư duy của người bản xứ. Dưới đây là một số nét tiêu biểu về "cái khó", cái đẹp và sự phong nhiêu của một vài ngôn ngữ mà tôi sẽ thử đề cập. Và,

xin cũng được thừa thêm là, câu trả lời này có lẽ chỉ dành cho những ai có đôi chút quan tâm đến chuyện ngôn ngữ:

1. Tiếng La-tinh (Latin)

Tính linh hoạt nhưng phức tạp: Tiếng La-tinh là một ngôn ngữ "biến tố" (inflected language) cực kỳ phức tạp. Thay vì dùng thứ tự từ để xác định vai trò của danh từ (chủ ngữ, tân ngữ/túc từ...), nó sử dụng các đuôi từ (case endings). Có tới sáu cách (cases) khác nhau cho danh từ và tính từ (nominative, accusative, genitive, dative, ablative, vocative...). Người học phải nhớ biến cách cho cả danh từ, tính từ, đại từ, và động từ. Số lượng các biến cách khiến nhiều người "toát mồ hôi".

Thứ tự từ được "thả lỏng" tự do: Do có đuôi từ, ta có thể sắp xếp các từ trong câu gần như tùy ý mà vẫn đúng ngữ pháp, miễn là đuôi từ không đổi. Điều này tạo nên sự linh hoạt và tính thi vị cho văn chương La-tinh, nhưng lại là cơn ác mộng cho người học. Ví dụ: "Puer puellam amat" (Chàng trai yêu cô gái) có thể viết thành "Puellam puer amat" hoặc "Amat puer puellam" mà ý nghĩa không đổi, cho dù sắc thái của mỗi câu có thể hơi khác trong hướng nhấn. Câu La-tinh có thể đảo trật tự rất tự do, nên đọc những câu dài giống như giải một mê cung ngữ pháp.

Không có mạo từ (articles): Tiếng La-tinh không có mạo từ xác định ("the") hay không xác định ("a/an"), khiến việc dịch sang các ngôn ngữ khác đòi hỏi người dịch phải nắm vững và hiểu rõ ngữ cảnh.

Cái đẹp và cái khó của tiếng La-tinh là cực kỳ cô đọng, giàu tính tu từ. Một câu ngắn có thể chứa lượng thông tin bằng cả đoạn văn tiếng Anh.

2. Tiếng Đức (German)

Danh từ & Giống: Giống như La-tinh, tiếng Đức có ba giống danh từ (giống đực - der, giống cái - die, trung tính - das). Vấn đề là giống của danh từ không theo quy tắc rõ ràng, ta phải học thuộc lòng.

Hệ thống cách (cases): Tiếng Đức cũng có bốn cách (cases) cho danh từ, mạo từ và tính từ (nominative, accusative, dative, genitive). Cả mạo từ và tính từ đều phải thay đổi đuôi từ để phù hợp với giống, số và cách của danh từ, tạo nên một hệ thống biến cách phức tạp. Ví dụ: *der große Mann* (người đàn ông to lớn) nhưng thành *dem großen Mann* (đối với người đàn ông to lớn).

Cấu trúc câu: Cấu trúc câu tiếng Đức có thể rất rắc rối, đặc biệt với các mệnh đề phụ, nơi mà động từ chính thường bị đẩy về cuối câu. Trong khi đó, ở mệnh đề chính, động từ ở vị trí số 2. Trong câu hỏi hay mệnh lệnh, động từ đứng ở vị trí đầu.

Danh từ ghép: Tiếng Đức rất nổi tiếng với khả năng tạo ra các danh từ ghép cực dài và phức tạp (ví dụ:

Rechtsschutzversicherungsgesellschaften - các công ty bảo hiểm bảo vệ pháp lý). "Rechtsschutzversicherungsgesellschaft" ("Legal protection insurance companies") là một danh từ ghép, được hình thành bằng cách kết hợp các từ "Recht" ("law"), "Schutz" ("protection"), "Versicherung" ("insurance") và "Gesellschaften" ("companies"). Từ này, mặc dù dài, nhưng nó được coi là một trong những từ dài nhất được sử dụng hằng ngày trong

tiếng Đức. Nó là một từ đầy đủ được dùng để chỉ các công ty cung cấp bảo hiểm pháp lý, mang đến sự bảo vệ trong các vấn đề pháp lý. Một từ ghép rất dài khác: *Donaudampfschiffahrtsgesellschaftskapitän* (thuyền trưởng công ty tàu hơi nước sông Danube).

Vẻ đẹp của câu tiếng Đức là khả năng tạo khái niệm chính xác bằng cách ghép từ, và, đặc biệt, diễn đạt những tư tưởng triết học phức tạp một cách trật tự.

3. Tiếng Pháp (French)

Giống và Sự hòa hợp (Gender and Agreement): Tiếng Pháp có hai giống danh từ (đực và cái). Giống của danh từ không có quy tắc rõ ràng, ta phải học thuộc lòng. Tính từ và mạo từ phải thay đổi để "hòa hợp" về giống và số với danh từ mà chúng bổ nghĩa.

Thì và Thể động từ phức tạp: Hệ thống chia động từ của tiếng Pháp rất phong phú với nhiều thì (trương lai, quá khứ đơn, quá khứ kép...) và thể (bàng thái cách - subjunctif, điều kiện cách - conditionnel...). Người ngoại quốc có thể khá nhức đầu với các thì và thể của tiếng Pháp.

Ngữ âm và Chính tả: Tiếng Pháp có rất nhiều âm câm (chẳng hạn âm cuối không đọc), khiến việc học phát âm và chính tả trở nên khó khăn. Cùng một âm thanh có thể được viết bằng nhiều cách khác nhau (ví dụ: "eaux", "au", "o"). Những nguyên âm mũi (nasal vowels) trong tiếng Pháp cũng là những nét đặc thù riêng. Nếu không được học tập phát âm từ nhỏ, người nước ngoài cũng khó có thể phát âm chuẩn những âm với đặc thù về ngữ âm này. Câu "Un bon vin blanc" có thể là một câu biểu tả nét đặc thù của những nguyên âm mũi Pháp. Để nắm vững những nét đặc thù về mặt ngữ âm của cụm từ này, ta cần luyện tập cách phát âm nguyên âm mũi, phụ âm câm và những khác biệt tinh tế về phương ngữ. Ngoài ra, quy tắc *liaison* (nối âm) trong tiếng Pháp khiến việc phát âm và nghe hiểu trở nên khó cho người mới học.

Cái đẹp của tiếng Pháp là nó được xem là ngôn ngữ của văn chương và ngoại giao, giàu từ vựng mô tả sắc thái cảm xúc.

4. Tiếng Tây Ban Nha (Spanish)

Động từ bất quy tắc và Ngữ điệu: Tiếng Tây Ban Nha có rất nhiều động từ bất quy tắc, và việc chia động từ cho mỗi ngôi (tôi, bạn, anh ấy/cô ấy, chúng tôi...) và mỗi thì là một thách thức lớn. Ngữ điệu uyển chuyển, trọng âm quyết định nghĩa—trong cách viết và cách phát âm (papá = cha; papa = khoai tây (la papa), hay đức giáo hoàng (el papa)).

Hai động từ "to be": Tiếng Tây Ban Nha có hai động từ tương đương với "to be" trong tiếng Anh: "ser" và "estar". *Ser* dùng để chỉ những đặc điểm lâu dài, bản chất, trong khi *estar* dùng để chỉ trạng thái tạm thời, vị trí. Việc sử dụng sai hai từ này là lỗi phổ biến nhất. Ngoài ra, hệ thống subjunctive mood (thức giả định/bàng thái) được dùng nhiều hơn tiếng Anh, khiến người học dễ bối rối.

Giống, Số và Dạng từ: Tương tự tiếng Pháp, danh từ, mạo từ, và tính từ phải hòa hợp về giống (đực/cái) và số (ít/nhiều). Có nhiều từ đồng âm, dạng giống nhưng nghĩa khác (false friends) so với tiếng Anh.

Vẻ đẹp của ngôn ngữ này nằm ở nhạc tính và khả năng diễn đạt tình cảm tinh tế, nhất là trong thơ và ca khúc.

5. Tiếng Anh (English)

Cú pháp đơn giản, nhưng từ vựng phức tạp: Ngữ pháp tiếng Anh, nhìn chung, đơn giản hơn so với các ngôn ngữ La-tinh hay Đức, không có giống danh từ, và hệ thống biến cách đã bị lược bỏ. Trật tự câu đóng vai trò lớn. Hệ thống từ vựng đồ sộ nhờ vay mượn từ nhiều ngôn ngữ (Latin, Pháp, Đức, v.v.).

Động từ bất quy tắc: Tiếng Anh có hàng trăm động từ bất quy tắc ở thì quá khứ và quá khứ phân từ. Ta phải học và nhớ.

Cụm động từ (Phrasal verbs): Đây là một trong những điểm khó nhất của tiếng Anh. Một động từ kết hợp với một giới từ hoặc trạng từ có thể tạo ra nghĩa hoàn toàn khác (ví dụ: "take off", "take up", "take on"). Tiếng Anh có rất nhiều thành ngữ không thể (hoặc khó) dịch thẳng.

Ngữ âm và chính tả bất quy tắc: Chính tả tiếng Anh rất khó đoán. Cùng một cách viết có thể có nhiều cách phát âm khác nhau ("ough" trong "tough", "through", "though", "bough") và ngược lại. Điều này do sự vay mượn từ những nguồn gốc khác nhau.

Cái đẹp của tiếng Anh là nó rất linh hoạt, và giàu khả năng sáng tạo từ mới. Nó có thể diễn đạt ý tưởng từ giản dị đến hàn lâm.

Da Màu: Nghe anh trình bày về các ngôn ngữ vừa nói, ta thấy được cái tinh tế, phong phú và nét đẹp của các ngôn ngữ này. Nếu có thể, mong anh cũng trình bày đôi chút như trên về Việt và Hán ngữ.

Bùi Vĩnh Phúc: Về tiếng Việt và tiếng Hán, từ đó liên hệ đến tiếng Hán-Việt—cũng là một phần máu thịt và hơi thở của chúng ta từ bao đời, và là thành phần tạo nên sự phong phú của ngôn ngữ Việt Nam—tôi có vài nhận xét như sau:

6. Tiếng Việt

Nét đặc thù và Thanh điệu: Ngôn ngữ đơn lập (không biến hình), trật tự từ và hư từ quyết định ngữ pháp. Thanh điệu là nét đặc trưng và cũng là thách thức lớn nhất đối với người nước ngoài. Tiếng Việt có 6 thanh điệu, việc phát âm sai một thanh có thể làm thay đổi hoàn toàn ý nghĩa của từ ("ma", "má", "mà", "mả", "mã", "mạ"). Với người nước ngoài, phát âm và phân biệt thanh điệu là thử thách lớn.

Hệ thống đại từ nhân xưng và kính ngữ phong phú: Tiếng Việt có một hệ thống đại từ nhân xưng và kính ngữ vô cùng đa dạng, phức tạp, phụ thuộc vào tuổi tác, mối quan hệ, giới tính, vai vế, mức độ thân mật, và cả vùng miền (*chú, bác, cô, dì, dượng, o, mẹ, anh, chị, ông, bà, tôi, em, cháu, con*, v.v.). Rồi *kính, thưa, xin phép, hân hạnh, trân trọng, kính mời, kính báo, dạ, vâng, xin lỗi, tôi xin được, tôi mạn phép*, v.v.). Ngoài cách dùng đại từ nhân xưng mang tính tôn kính, ngoài cách nói khiêm cung, nhún nhường, hệ thống kính ngữ của tiếng Việt cũng bao gồm những cách nói lịch sự, như: “Xin mời anh dùng cơm.”, hay “Cho phép tôi được giới thiệu.”, v.v..

Từ vựng phong phú: Tiếng Việt có nhiều từ đồng âm khác nghĩa, và ý nghĩa phụ thuộc vào ngữ cảnh. Hệ thống từ vựng đa dạng: từ thuần Việt, từ Hán-Việt, đến các từ vay mượn. Một ý có thể được diễn đạt bằng nhiều từ đồng nghĩa với sắc thái khác nhau. Người ta cũng đã nói nhiều về chuyện thú vị của động từ “porter” trong tiếng Pháp khi được chuyển sang tiếng Việt (*mang, vác, xách, công, địu, thò, bồng, bế, cạp, khiêng, bưng, đội, gánh, gồng, ôm, đeo*, v.v.).

Cái đẹp của tiếng Việt cũng nằm ở chỗ giàu nhạc tính, ngắn gọn, uyển chuyển trong thơ ca và tục ngữ.

Về vấn đề ngữ pháp tiếng Việt, sự mô tả, nhìn ngắm và tranh luận về nó cũng cho thấy cái phức tạp của ngôn ngữ. Chẳng hạn, việc xét “tư cách” của danh từ trong tiếng Việt. Hoặc về vấn đề mạo từ/loại từ, ngoài hai chữ *cái* và *con* với cách sử dụng đặc biệt và tế nhị, việc xác định “tư cách” mạo từ/loại từ trong Việt ngữ, đối với một số chữ khác, cũng rất phức tạp. Tất cả đều cho thấy cái “phong ba” riêng của tiếng Việt.

7. Hán ngữ (Chinese)

Hình thức chữ Hán: Đây là thử thách lớn nhất. Tiếng Hán không dùng bảng chữ cái, mà dùng hàng chục ngàn ký tự (chữ Hán); mỗi ký tự có thể đại diện cho một từ hoặc một ý. Để đọc báo, ta cần nắm vững ít nhất 2.000-3.000 chữ. Chữ viết *logographic* (chữ tượng hình/biểu ý) cho thấy mỗi chữ là một đơn vị nghĩa.

Tiếng Hán cổ điển cực kỳ cô đọng, không dấu câu, không biến hình.

Thanh điệu và từ đồng âm: Tương tự tiếng Việt, tiếng Hán có bốn thanh điệu và một thanh nhẹ. Việc phát âm sai thanh điệu sẽ dẫn đến hiểu lầm. Tiếng Hán hiện đại có nhiều đồng âm, buộc người nghe phải dựa vào ngữ cảnh.

Ngữ pháp tương đối đơn giản: Ngữ pháp tiếng Hán lại khá đơn giản so với các ngôn ngữ châu Âu. Không có giống, không có biến cách danh từ hay chia động từ theo ngôi và thì. Các thì được biểu thị bằng các từ chỉ thời gian (hôm qua, ngày mai) hoặc các trợ từ (như 了, 过).

Nói như thế, nhưng ta cũng nên biết là cách dùng chữ Hán, đặc biệt các hư từ, rất phong phú. Chẳng hạn như các từ *chi, hồ, giả, dã, yên, tai, hĩ*, v.v.. Chỉ riêng chữ dã (也) đã có gần 30 cách dùng trong những trường hợp khác nhau. Chính vì thế nên các nhà nho Trung Hoa xưa đã có câu này để khuyên học trò: “*Chi hồ giả dã hĩ yên tai / Dụng đắc thành chương hảo tú tài*” (Ý nói cách dùng các hư từ, như những hư từ trên, rất phức tạp. Dùng chúng nhuần nhuyễn và viết được thành văn thì xem như đã đạt đến mức “công phu thượng thừa”, có thể đậu tú tài được). Ngoài ra, nói là ngữ pháp chữ Hán tương đối đơn giản, nhưng khi nghiên cứu kỹ, giống như ngữ pháp của các ngôn ngữ khác, vấn đề thật ra lại không hề đơn giản. Nó cũng có những luật tắc và những cái tế vi như ngữ pháp của các thứ tiếng khác. Vấn đề là chúng ta tiếp cận những ngôn ngữ này đến đâu.

Cái đẹp của Hán ngữ là cấu trúc cân đối, hình tượng giàu sức gợi. Mỗi chữ có thể có lịch sử hàng nghìn năm.

Tất cả những nhận xét hết sức sơ lược trên về những nét đặc thù, phong nhiêu hay khó khăn của một vài ngôn ngữ vừa được lược tả chỉ là một cái nhìn rất thoáng qua. Chỉ để tạm đưa ra một vài “sắc thái ngôn ngữ” của chúng. Người nghiên cứu chuyên sâu sẽ có thể đưa ra hàng trăm, thậm chí hàng ngàn, những ghi chú, nhận xét hay bàn luận về từng ngôn ngữ.

Tóm lại, mỗi ngôn ngữ đều có một hệ thống logic riêng. "Khó nuốt" hay không phụ thuộc vào nền tảng ngôn ngữ mẹ đẻ của người học và cách họ tiếp cận với hệ thống đó. Xét về tiếng Việt, ngôn ngữ Việt, người ta cũng nên nghĩ đến một cách nhìn như thế.

Da Màu: *Cám ơn anh thật nhiều đã trình bày tận tình, khúc chiết để ghi lại một chặng đường đọc và viết của anh, cũng như để đưa ra một cái nhìn và những nhận định về văn học miền Nam và, đặc biệt, Văn Học Hải Ngoại.*

Mong anh cho vài lời cuối để khép lại cuộc nói chuyện này.

Bùi Vĩnh Phúc: Trên những nẻo đường văn học mà tôi đã có dịp dần bước, trong tâm thức “đi và sống” đó, tôi đã may mắn tìm được những người bạn tốt. Đó là những nhà văn, nhà thơ, những người cầm bút trong mọi lĩnh vực, mọi ngôn ngữ, mọi nền văn hoá, mọi thời đại, nói tóm lại là những người cầm viết ở mọi thời và mọi nơi, đã chia sẻ cho tôi cái sống và kinh nghiệm của họ. Qua tác phẩm của mình. Qua những gì họ viết. Cái đọc làm cho con người đến được với nhau. Những con người cùng thời đại, hay cùng môi trường sống, và những con người vốn cách xa nhau cả nhiều thế kỷ với hàng vạn dặm núi non sông biển. Những núi non của ngôn ngữ, của văn hoá, của những cái khác biệt, và những sông biển của quá khứ, của thời gian. Tất cả chúng ta đã cùng gặp gỡ nhau, và cùng hạnh ngộ. Qua cái đọc.

Những người ta đọc, và những người đọc chúng ta. Và chữ nghĩa là những nhịp cầu. Để những mắt nhìn và những vòng tay được tiếp tục mở rộng mãi.

Xin được cảm ơn tất cả những hạnh ngộ ấy.

VIII. 2025